

yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Minh T không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Theo biên bản xác minh tại Công an xã K, huyện CL thì ông Nguyễn Minh T có đăng ký thường trú tại thôn Vinh Bình, xã K, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa và có mặt, sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa bà Lê Thị N và ông Nguyễn Minh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CL theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Lê Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên tòa ngày 07/3/2024 và ngày 28/3/2024 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn: bà Lê Thị N và ông Nguyễn Minh T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã K, thị xã Cam Ranh (nay là huyện CL), tỉnh Khánh Hòa và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 10/4/2006; đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà N và ông T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn yêu thương nhau, xảy ra ghen tuông rồi kinh cãi và xúc phạm nhau. Bà N và ông T đã cho nhau cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Bà N xác định không còn tình cảm đối với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lê Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Minh T có ba con chung là cháu Nguyễn Minh Tuấn sinh ngày 01/10/2007, cháu Nguyễn Minh Tài sinh ngày 01/10/2007 và cháu Nguyễn Minh Hùng sinh ngày 14/4/2018. Cháu Tuấn và cháu Tài đều có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Hùng còn nhỏ; hiện nay các cháu đều đang sống với bà N. Vì vậy xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên, đảm bảo sự phát triển lành mạnh, toàn diện, ổn định về người trực tiếp trông nom, Hội đồng xét xử giao cháu Tuấn, cháu Tài, cháu Hùng cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Lê Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Minh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lê Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao các cháu Nguyễn Minh Tuấn sinh ngày 01/10/2007, Nguyễn Minh Tài sinh ngày 01/10/2007 và Nguyễn Minh Hùng sinh ngày 14/4/2018 cho bà Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Lê Thị N không yêu cầu ông Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Lê Thị N và ông Nguyễn Minh T được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0002333 ngày 25/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, bà Lê Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- UBND xã K;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Mỹ Hạnh